

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 09-01-2020
V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Luyện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 452/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2019/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí L1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BM, xã TH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BM, xã TH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Ngày 11/01/2012 ông có cổ đất của bà Nguyễn Thị U 07 công đất tọa lạc ấp BM, xã TH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau với giá 35 chỉ vàng 24k (một công cổ 05 chỉ); trong đó của bà U 04 công, của anh L1 03 công, thời hạn cổ 05 năm. Khi làm giấy cổ đất thì Nguyễn Chí L1 nói đưa

thêm cho anh L1 03 chỉ vàng 24k để trị bệnh. Như vậy, 03 công đất của anh L1 lúc đầu có 15 chỉ, nhưng anh L1 kêu đưa thêm 03 chỉ, xem như là có của anh L1 18 chỉ. Sau đó ông cho bà U và anh L1 thuê lại 07 công đất.

Năm 2016 anh Nguyễn Chí L1 chuộc lại 03 công và đưa cho ông 15 chỉ vàng 24k, cho nợ lại 03 chỉ vàng 24k. Khi anh L1 chuộc đất có làm văn bản và hiện anh L1 đang quản lý bản gốc, ông không có quản lý.

Nay ông kiện anh L1 đòi lại 03 chỉ vàng 24k. Đối với phần đất của bà U chưa chuộc lại, đất hiện nay bà U đang quản lý và ông không yêu cầu Tòa xem xét vì tự thỏa thuận với nhau.

- *Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Chí L1 trình bày:* Ngày 15/01/2012 anh và bà U có cổ cho ông L 07 công đất ruộng với giá 35 chỉ vàng 24k, trong đó anh có 03 công. Cùng ngày anh bị bệnh nên thỏa thuận với ông L có thêm của anh mỗi công 01 chỉ, tổng 03 chỉ vàng 24k, anh có ký nhận vào hợp đồng. Như vậy, phần của anh 03 công và cổ cho ông L 18 chỉ vàng 24k. Sau khi cổ anh thuê lại đất. Khoảng tháng 3 và 4 năm 2016 anh chuộc lại đất, lấy bán cho người khác và lấy vàng trả cho ông L 18 chỉ vàng 24k. Nay anh xác định không còn nợ vàng ông L và không đồng ý trả.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:* Bà xác định có sự việc cổ đất đúng như ông L và anh L1 trình bày trên. Hiện nay giữa bà và ông L còn liên quan hợp đồng cổ 04 công đất nhưng không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét. Còn việc anh L1 chuộc lại 03 công đất thì lúc này bà ở thành phố Cà Mau, chỉ nghe anh L1 nói chứ không chứng kiến vụ việc như thế nào.

- *Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.* Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để xác minh sự hiểu biết của chồng bà Sử Thị D và bà Lý Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà U có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà U là đúng quy định.

[2] Các đương sự trình bày là hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với chứng cứ do ông L xuất trình là “Giấy cổ đất” giữa bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn L lập ngày 11/01/2012 được thể hiện: Ngày 11/01/2012 ông L cổ của bà Nguyễn Thị U 04 công đất trị giá 20 chỉ vàng 24k, cổ của anh L1 03 công đất trị giá 18 chỉ vàng 24k. Sau khi cổ đất ông L canh tác khoảng 01 năm thì cho bà U và anh L1 thuê lại đất. Đến khoảng tháng 3 và 4 năm 2016 anh L1 chuộc lại đất. Tuy nhiên, anh L1 cho rằng trả 18 chỉ, ông L cho rằng trả 15 chỉ nên tranh chấp nhau. Mặc dù có 07 công đất được thiết lập bằng 01 hợp đồng giữa bà U với ông L,

nhưng bà U và ông L không đặt ra tranh chấp và cùng xác định trong đó có 03 công đất của anh L1. Giữa anh L1, ông L và bà U xác định 03 công đất của anh L1 cho ông L hai bên đã thỏa thuận xong hợp đồng vào khoảng tháng 3 và 4 năm 2016, anh L1 đã chuyển nhượng 03 công đất cho người khác. Nay hai bên chỉ tranh chấp có hay không anh L1 đã trả hết 18 chỉ vàng 24k, không còn nợ lại 03 chỉ, đây là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản nên Tòa án không xem xét xử lý hợp đồng cổ đất là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L thì thấy rằng: Khi cổ đất có thiết lập hợp đồng, anh L1 nhận thêm 03 chỉ vàng 24k được ký nhận thêm trong hợp đồng, bản gốc do ông L quản lý và được các bên đương sự thừa nhận là đúng. Bản gốc hợp đồng cổ đất ông L đang giữ và vẫn còn hiệu lực. Do đó, anh L1 là người phải xuất trình chứng cứ chứng minh việc anh trả hết 18 chỉ vàng 24k nhưng anh không có chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó ông L không thừa nhận có nhận 18 chỉ, chỉ nhận 15 chỉ và cho nợ lại 03 chỉ vàng 24k vì hợp đồng vẫn còn có giá trị 04 công đất còn lại. Do vậy, việc ông L kiện đòi lại 03 chỉ vàng 24k là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị tạm dừng phiên tòa của Viện kiểm sát thì thấy rằng: Tòa án có xác minh bà Sử Thị D và bà Lý Thị H nhưng họ cũng không biết rõ việc giao trả vàng của anh L1 cho ông L. Hơn nữa, anh L1 khai ngày trả vàng chồng của bà Sử Thị D và bà Lý Thị H không trực tiếp chứng kiến. Mặt khác, bà Sử Thị D và bà Lý Thị H có mối quan hệ bà con với hai bên tranh chấp, riêng bên ông L là rất thân thiết và ông L xác định hiện ông có mâu thuẫn với gia đình bà D và bà H nên lời khai của họ không khách quan. Do đó, không cần thiết xác minh thêm theo yêu cầu của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, anh L1 phải chịu theo quy định pháp luật số tiền là 663.000 đồng (03 chỉ x 4.420.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L về việc kiện đòi lại 03 chỉ vàng 24k. Buộc anh Nguyễn Chí L1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn L 03 (ba) chỉ vàng 24k.

2. Án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Nguyễn Chí L1 phải chịu 663.000 đồng. Ông L không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho ông L số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0002732 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên